

KNOWLEDGE, ATTITUDES TOWARDS CONTRACEPTIVE METHODS AMONG STUDENTS AT DAN PHUONG HIGH SCHOOL, HANOI CITY IN 2024

Nguyen Qui Huy^{1*}, Nguyen Thi Phuong Oanh¹, Bui Minh Thu²
Ta Anh Phuong³, Nguyen Thi Thu Uyen⁴

¹Hanoi Medical University - 1, Ton That Tung, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

²Bach Mai Medical College - 78, Giai Phong, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

³Thanh Phuong Dental Clinic - 69, O Cho Dua, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

⁴E Hospital - 87-89, Tran Cung, Cau Giay district, Hanoi, Vietnam

Received: 10/5/2025

Revised: 12/5/2025; Accepted: 18/5/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the current state of knowledge and attitudes regarding contraceptive methods among students at Dan Phuong High School, Hanoi city in 2024.

Method: A cross-sectional study was conducted on 420 students at Dan Phuong High School, Dan Phuong district, Hanoi city in 2024.

Results: The study found that 91.9% of students knew at least one contraceptive method. Among these, condoms (97.9%) and birth control pills (87.9%) were the most known. 86.7% of students knew the right time to use contraceptive methods. Regarding attitudes, 84.3% and 75% of students agreed that it was necessary to be equipped with knowledge about contraceptive methods and that using contraceptive methods was the best choice for adolescents. However, 42.4% of students felt it would be difficult to use contraception with their first sexual partner, and 72.8% believed that current methods still have many side effects.

Conclusion: Families need to coordinate with the school to increase communication activities and health education about contraception for students to improve and develop health comprehensively.

Keywords: Knowledge, attitudes, contraceptive methods, high school students.

*Corresponding author

Email: nguyenquyhuy26091999@gmail.com **Phone:** (+84) 358198899 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD8.2588**



KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2024

Nguyễn Quý Huy^{1*}, Nguyễn Thị Phương Oanh¹, Bùi Minh Thu²
Tạ Anh Phương³, Nguyễn Thị Thu Uyên⁴

¹Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

²Cao đẳng Y tế Bạch Mai - 78 Giải Phóng, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

³Phòng khám Nha khoa Thanh Phương - 69 Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

⁴Bệnh viện E - 87-89 Trần Cung, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 10/5/2025

Ngày chỉnh sửa: 12/5/2025; Ngày duyệt đăng: 18/5/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về các biện pháp tránh thai của học sinh Trường Trung học phổ thông Đan Phượng, thành phố Hà Nội năm 2024.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 420 học sinh tại Trường Trung học phổ thông Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Kết quả: Nghiên cứu cho thấy 91,9% học sinh biết ít nhất 1 biện pháp tránh thai, trong đó bao cao su và thuốc tránh thai là hai biện pháp học sinh biết nhiều nhất với 97,9% và 87,9%. Có 86,7% học sinh biết thời điểm đúng dùng biện pháp tránh thai. Về thái độ, lần lượt có 84,3% và 75% học sinh đồng ý về việc cần được trang bị kiến thức về các biện pháp tránh thai và sử dụng biện pháp tránh thai là sự lựa chọn tốt nhất cho vị thành niên. Tuy nhiên, vẫn còn 42,4% học sinh cho rằng rất khó để sử dụng biện pháp tránh thai với bạn tình lần đầu và 72,8% cho rằng các biện pháp tránh thai hiện nay còn nhiều tác dụng phụ.

Kết luận: Gia đình cần phối hợp với nhà trường tăng cường thêm các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về các biện pháp tránh thai cho học sinh để nâng cao, phát triển sức khỏe một cách toàn diện.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ, biện pháp tránh thai, học sinh trung học phổ thông.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dân số thế giới hiện nay đang tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt là sự gia tăng đáng kể của nhóm tuổi vị thành niên và thanh niên (VTN/TN), với hơn 3 tỷ người dưới 25 tuổi, chiếm 42% dân số toàn cầu [1]. Tại Việt Nam, theo Tổng điều tra dân số năm 2019 đã ghi nhận tỷ lệ dân số trẻ cao nhất trong lịch sử với 20,4 triệu thanh thiếu niên từ 10-24 tuổi, chiếm 21% tổng dân số [2]. VTN/TN đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) như có thai ngoài ý muốn hay các bệnh lây truyền qua đường tình dục... Ước tính mỗi năm có khoảng 2-4,4 triệu ca phá thai ở nhóm tuổi 15-19. Theo thống kê của Cục Dân số, Bộ Y tế, mặc dù tỷ lệ phá thai trong 10 năm trở lại đây có xu hướng giảm, tuy nhiên tỷ lệ nạo phá thai ở VTN/TN lại có dấu hiệu gia tăng, chiếm hơn 20% các trường hợp phá thai trên toàn quốc.

Giai đoạn VTN/TN là thời kì chuyển giao giữa thời kì thơ ấu và trưởng thành, các em trải qua nhiều thay đổi

về thể chất nhưng chưa phát triển đầy đủ về tâm lý và xã hội. Ngoài ra, môi trường xung quanh có nhiều ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của VTN/TN. Bên cạnh đó, kiến thức, thái độ của VTN/TN về SKSS nói chung và việc sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT) nói riêng chưa đúng và đầy đủ. Nghiên cứu của Quỹ dân số Liên hợp quốc cho thấy kiến thức về các BPTT của VTN/TN Việt Nam còn nhiều hạn chế [3]. Tại Việt Nam, một số nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Thị Tân, Nguyễn Ngọc Minh, Nguyễn Thúy Hà cho thấy tỷ lệ kiến thức học sinh không đồng đều giữa các vùng, tỷ lệ học sinh biết ít nhất 1 BPTT từ 31,2-95,5% [4-7].

Vì vậy, đây là một vấn đề rất quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa thực tiễn cần thực hiện nghiên cứu để nâng cao hơn nữa về kiến thức, thái độ về những BPTT ở lứa tuổi VTN/TN. Để trả lời cho câu hỏi kiến thức, thái độ về các BPTT của học sinh Trường Trung học phổ thông Đan Phượng hiện nay như thế nào?, chúng tôi tiến hành

*Tác giả liên hệ

Email: nguyenvquyhuy26091999@gmail.com Điện thoại: (+84) 358198899 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD8.2588>

nghiên cứu này nhằm trả lời cho câu hỏi trên để từ đó tìm ra những vấn đề còn tồn tại và giúp nhà trường đưa ra giải pháp can thiệp thích hợp nhằm nâng cao kiến thức và thái độ về BPTT cho học sinh.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Học sinh khối 10, 11 và 12 đang học tại Trường Trung học phổ thông Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: học sinh có mặt tại thời điểm nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Tiêu chuẩn loại trừ: học sinh có rối loạn ý thức, sa sút trí tuệ, khiếm thính ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp.

2.2 Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 7/2024 đến tháng 3/2025. Thời gian thu thập số liệu: tháng 11/2024.
- Địa điểm nghiên cứu: Trường Trung học phổ thông Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2.3 Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.4 Cỡ mẫu và chọn mẫu

- Cỡ mẫu áp dụng công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times p \times (1 - p) / d^2$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ (độ tin cậy 95%); $d = 0,05$ (sai số cho phép); p là tỷ lệ ước lượng trong các nghiên cứu tương ứng đã công bố ($p = 0,31$ theo nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong [4]).

Cỡ mẫu tối thiểu là 329 học sinh. Cỡ mẫu thực tế trong nghiên cứu này là 420 học sinh.

- Cách chọn mẫu: áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn bằng cách lập danh sách toàn bộ học sinh của trường, sau đó dùng phần mềm STATA để chọn ngẫu nhiên đến khi đạt đủ cỡ mẫu.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu và biến số

- Điều tra viên sử dụng bộ câu hỏi có cấu trúc tự điền dành cho học sinh trung học phổ thông về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, kiến thức, thái độ về về các BPTT.
- Bộ câu hỏi được xây dựng, chỉnh sửa bổ sung để phù hợp với mục tiêu nghiên cứu dựa trên nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong [4].

- Biến số nghiên cứu:

- + Phần 1: đặc điểm chung (4 câu hỏi từ A1 đến A4).
- + Phần 2: kiến thức về BPTT (6 câu hỏi từ B1 đến B6).
- + Phần 3: thái độ về BPTT (7 câu hỏi từ C1 đến C7).

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch, nhập vào máy tính bằng phần mềm KoboToolbox và phân tích bằng phần mềm STATA 18.0. Kết quả được mô tả bằng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tần suất và tỷ lệ phần trăm.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Tuân thủ các quy định đạo đức trong nghiên cứu và được Hội đồng thông qua đề cương luận văn thạc sĩ Trường Đại học Y Hà Nội phê duyệt, được sự chấp thuận của Ban Giám hiệu Trường Trung học phổ thông Đan Phượng và sự đồng ý tham gia của học sinh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 420)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi ($\bar{X} \pm SD$)		17,01 $\pm$ 0,82	
Giới tính	Nam	192	45,7
	Nữ	228	54,3
Khối lớp	10	139	33,1
	11	140	33,3
	12	141	33,6
Kết quả học tập	Xuất sắc	103	24,5
	Giỏi	246	58,6
	Khá	67	16,0
	Đạt	4	0,9

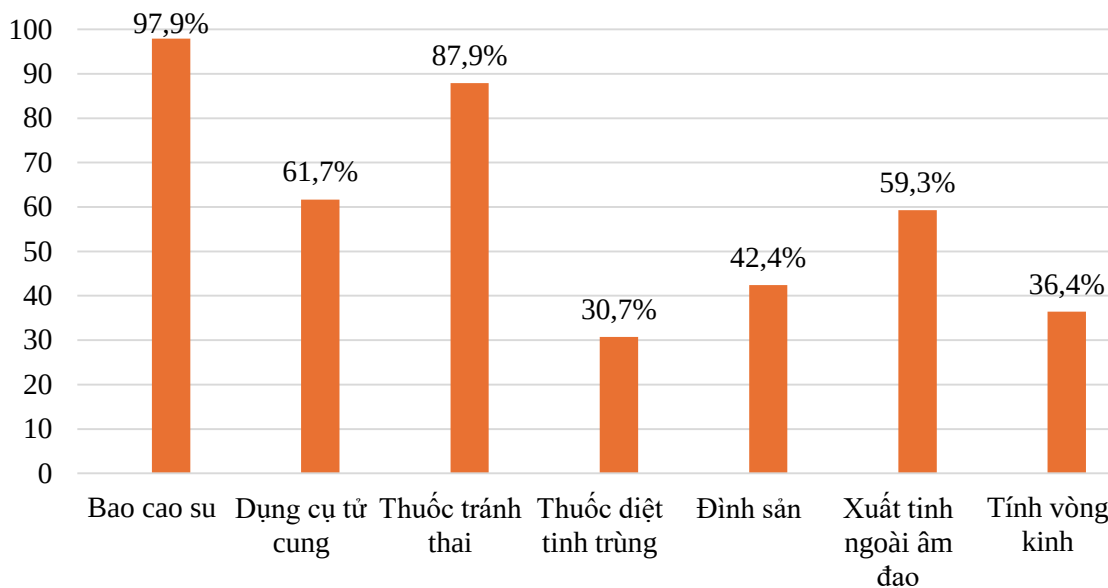
Nhận xét: Tổng số học sinh tham gia nghiên cứu là 420 người với độ tuổi trung bình là 17,01 $\pm$ 0,82, trong đó có 192 học sinh nam (45,7%) và 228 học sinh nữ (54,3%). Chia ra các khối lớp: 139 học sinh khối 10 (33,1%), 140 học sinh khối 11 (33,3%) và 141 học sinh khối 12 (33,6%). Đa số học sinh có học lực loại giỏi (58,6%), tiếp theo lần lượt là xuất sắc (24,5%), khá (16,0%) và đạt (0,9%).

3.2. Kiến thức của học sinh về BPTT

Bảng 2. Số lượng BPTT mà học sinh biết

Nội dung		Nam (n = 192)	Nữ (n = 228)	Tổng (n = 420)
Biết ít nhất 1 BPTT	Biết	175 (91,1%)	211 (92,5%)	386 (91,9%)
	Không biết	17 (8,9%)	17 (7,5%)	34 (8,1%)
Số lượng các BPTT học sinh biết	1 biện pháp	24 (12,5%)	15 (6,6%)	39 (9,3%)
	2 biện pháp	21 (10,9%)	32 (14,0%)	53 (12,6%)
	3 biện pháp	36 (18,8%)	46 (20,2%)	82 (19,5%)
	≥ 4 biện pháp	111 (57,8%)	135 (59,2%)	246 (58,6%)
Trung bình		4,19 $\pm$ 2,08	4,13 $\pm$ 1,82	4,16 $\pm$ 1,94

Nhận xét: Có 386 học sinh (91,9%) biết ít nhất 1 BPTT. Tỷ lệ này ở nữ là 92,5%, cao hơn so với nam (91,1%). Đa số học sinh biết từ 4 BPTT trở lên (58,6%), với số biện pháp trung bình là $4,16 \pm 1,94$.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ những BPTT học sinh biết (n = 420)

Nhận xét: BPTT được học sinh biết đến nhiều nhất là bao cao su (97,9%), tiếp đến là thuốc tránh thai (87,9%), dụng cụ tử cung (61,7%), xuất tinh ngoài âm đạo (59,3%), đing sản (42,4%), tính vòng kinh (36,4%). BPTT ít học sinh biết đến nhất là thuốc diệt tinh trùng với 30,7%.

Bảng 3. Kiến thức của học sinh về các BPTT nói chung

Nội dung		Nam (n = 192)	Nữ (n = 228)	Tổng (n = 420)
Thời điểm cần dùng các BPTT		171 (89,0%)	193 (84,6%)	364 (86,7%)
Ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến sức khỏe		132 (68,8%)	153 (67,1%)	285 (67,8%)
Ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến tình dục		112 (58,3%)	115 (50,4%)	227 (54,0%)
Hậu quả của việc sử dụng BPTT không đúng	Có thai ngoài ý muốn	165 (85,9%)	183 (80,2%)	348 (82,9%)
	Mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục	155 (80,7%)	175 (76,8%)	330 (78,6%)
	Mắc viêm nhiễm sinh dục	132 (68,8%)	176 (77,1%)	308 (73,3%)
	Lây nhiễm HIV/AIDS	146 (76,0%)	160 (70,1%)	306 (72,6%)
	Rối loạn kinh nguyệt	103 (53,6%)	150 (65,8%)	253 (60,2%)

Nhận xét: Nghiên cứu cho thấy 86,7% học sinh biết rằng BPTT cần được sử dụng cho mọi lần quan hệ tình dục mà không muốn có thai. Có 67,8% và 54,0% học sinh biết ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến sức khỏe và tình dục. Về hậu quả khi sử dụng không đúng BPTT, có lần lượt 82,9%, 78,6%, 73,3%, 72,6% và 60,2% học sinh biết sẽ có thai ngoài ý muốn, bệnh lây truyền qua đường tình dục, viêm nhiễm sinh dục, nhiễm HIV/AIDS và rối loạn kinh nguyệt.

3.3. Thái độ về SKSS vị thành niên

Bảng 4. Thái độ của học sinh về các BPTT

Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
Không có BPTT nào hiệu quả tuyệt đối	193 (46,0%)	144 (34,3%)	66 (15,7%)	12 (2,8%)	5 (1,2%)
Các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ	129 (30,7%)	177 (42,1%)	83 (19,8%)	17 (4,1%)	14 (3,3%)
Sử dụng BPTT an toàn là sự lựa chọn tốt nhất cho VTN/TN có quan hệ tình dục	174 (41,0%)	142 (34,0%)	80 (19,0%)	15 (4,0%)	9 (2,0%)

Nội dung	Rất đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý	Rất không đồng ý
Một bạn VTN/TN mang BPTT theo người là một việc xấu	13 (3,1%)	27 (6,4%)	104 (24,8%)	137 (32,6%)	139 (33,1%)
VTN/TN cần được trang bị kiến thức về các BPTT	268 (63,8%)	86 (20,5%)	42 (10,0%)	15 (3,6%)	9 (2,1%)
Sử dụng BPTT khi quan hệ tình dục sẽ không chứng tỏ được tình yêu đích thực	9 (2,1%)	16 (3,8%)	75 (17,9%)	96 (22,9%)	224 (53,3%)
VTN/TN rất khó sử dụng BPTT cho lần đầu quan hệ với bạn tình	9 (2,1%)	42 (10,0%)	178 (42,4%)	103 (24,5%)	88 (21,0%)

Nhận xét: Nghiên cứu cho thấy 46% học sinh rất đồng ý rằng “không có BPTT nào hiệu quả tuyệt đối”. Tuy nhiên chỉ có 3,3% trong số họ bày tỏ quan điểm rất không đồng ý với “các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ”. Có lần lượt 41%, 63,8% học sinh rất đồng ý với quan điểm “sử dụng BPTT an toàn là tốt nhất cho VTN/TN”. Lần lượt 33,1% và 53,3% rất không đồng tình về quan điểm “mang theo BPTT theo người là một việc xấu” và “sử dụng BPTT không chứng tỏ tình cảm”. Chỉ có 21% học sinh rất không đồng tình với quan điểm “VTN/TN rất khó sử dụng BPTT cho lần đầu quan hệ với bạn tình”.

4. BÀN LUẬN

Tổng số học sinh Trường Trung học phổ thông Đan Phượng tham gia nghiên cứu là 420 em, với độ tuổi trung bình là $17,01 \pm 0,82$, trong đó có 192 học sinh nam (45,7%) và 228 học sinh nữ (54,3%). Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong với độ tuổi trung bình là $19,76 \pm 1,06$ và tỷ lệ 59,4% nữ [4]. Số học sinh đồng đều giữa các khối lớp với 33,1% học sinh khối 10; 33,3% học sinh khối 11 và 33,6% học sinh khối 12. Về học lực, đa số học sinh xếp loại giỏi (58,6%), tiếp theo là xuất sắc (24,5%), khá (16%) và đạt (0,9%).

Về kiến thức, có 91,9% học sinh biết ít nhất 1 BPTT, trong đó tỷ lệ học sinh nữ (92,5%) lớn hơn so với học sinh nam (91,1%). Kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Tân và cộng sự (95,5%) trên sinh viên đại học [5] và cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Minh trên học sinh trung học tại Hải Dương (87%) [6] và Nguyễn Thúy Hà trên học sinh trung học phổ thông tại Thái Nguyên (31,2%) [7]. Điều này có thể lý giải rằng các em là học sinh nên kiến thức chưa tốt bằng sinh viên, tuy nhiên ở thủ đô nên điều kiện tiếp cận và tìm hiểu thuận lợi hơn so với học sinh tại các địa phương khác. Hơn một nửa số học sinh (58,6%) biết từ 4 BPTT trở lên với số trung bình là $4,16 \pm 1,94$ biện pháp. Đây là kết quả đáng ghi nhận, phản ánh hiệu quả từ công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học.

BPTT được học sinh biết đến nhiều nhất là bao cao su với 97,9%, tiếp đến là thuốc tránh thai (87,9%). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiên và cộng sự tại Thái Nguyên với tỷ lệ lần lượt là 89% và

86,6% [8] và nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Minh tại Hải Dương với 80,3% và 78% [6]. Điều này cho thấy rằng bao cao su và thuốc tránh thai là 2 BPTT được học sinh biết đến nhiều nhất hiện nay. Dụng cụ tử cung cũng có tỷ lệ nhận biết khá cao với 61,7%, tiếp theo là đình sản (42,4%) và thấp nhất là thuốc diệt tinh trùng (30,7%). Những BPTT truyền thống có tỷ lệ học sinh biết đến ít hơn lần lượt là xuất tinh ngoài âm đạo (59,3%) và tính vòng kinh (36,4%). Kết quả này phù hợp so với nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiên và cộng sự tại Thái Nguyên với tỷ lệ 2 BPTT truyền thống lần lượt là 43,6% và 39% [8]. Điều này phù hợp với xu hướng tiếp cận thông tin về các BPTT hiện đại có hiệu quả cao hơn.

Kết quả cho thấy có 86,7% học sinh biết rằng BPTT cần được sử dụng cho mọi lần quan hệ tình dục mà không muốn có thai. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự (82,9%) và Nguyễn Thị Tân (79,1%) [4-5]. Có lần lượt 67,8% và 54% học sinh biết những ảnh hưởng của sử dụng BPTT đến sức khỏe và tình dục là tùy vào từng biện pháp và trường hợp. Về hậu quả khi không sử dụng đúng BPTT, có lần lượt 82,9%, 78,6%, 73,3%, 72,6% và 60,2% học sinh biết sẽ có thai ngoài ý muốn, bệnh lây truyền qua đường tình dục, viêm nhiễm sinh dục, nhiễm HIV/AIDS và rối loạn kinh nguyệt. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong, học sinh có thể kể tên các hậu quả của việc dùng BPTT không đúng với tỷ lệ lần lượt là 64,7%, 59%, 48,8%, 50,6% và 32,9% [4].

Học sinh có thái độ tốt về các BPTT sẽ là nền tảng quan trọng để họ có thể tin tưởng và lựa chọn đúng BPTT khi quan hệ tình dục. Có 80,3% học sinh đồng ý và rất đồng ý với quan điểm “không có BPTT nào hiệu quả tuyệt đối” và 75% học sinh cho rằng “sử dụng BPTT an toàn là tốt nhất cho VTN/TN có quan hệ tình dục”. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thị Tân với kết quả lần lượt là 78,6% và 78,5% [5]. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy đa số học sinh đã hiểu được tầm quan trọng của BPTT. Có 84,3% học sinh đồng ý và rất đồng ý với quan điểm “VTN/TN cần phải được trang bị kiến thức về các BPTT” cho thấy học sinh đã ý thức rằng trang bị kiến thức về BPTT là cần thiết trước khi quan hệ tình dục. Số học sinh không đồng ý

và rất không đồng ý với quan điểm “một bạn VTN/TN mang BPTT theo người là một việc xấu” và “sử dụng BPTT khi quan hệ tình dục sẽ không chứng tỏ được tình yêu đích thực” lần lượt chiếm tỷ lệ 65,7% và 76,2%. Kết quả này cho thấy sự tích cực hơn trong việc tiếp xúc với BPTT và cởi mở hơn về vấn đề tình dục an toàn. Tuy nhiên, vẫn có 42,4% học sinh cho rằng “VTN/TN rất khó sử dụng BPTT cho lần đầu quan hệ với bạn tình”. Bên cạnh đó, học sinh còn lo lắng và e ngại về tác dụng phụ của BPTT, điều này có thể thấy được khi 72,8% học sinh cho rằng rằng “các BPTT hiện nay có nhiều tác dụng phụ và nguy cơ”.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang trên 420 học sinh tại Trường Trung học phổ thông Đan Phượng, Hà Nội năm 2024 thu được kết quả: kiến thức của học sinh về BPTT khá tốt với 91,9% học sinh biết ít nhất 1 BPTT, trong đó bao cao su và thuốc tránh thai là hai biện pháp học sinh biết nhiều nhất với 97,9% và 87,9%. Có 86,7% học sinh biết thời điểm đúng dùng BPTT. Về thái độ, hầu hết học sinh đều thể hiện quan điểm tích cực: 84,3% học sinh đồng ý rằng cần được trang bị kiến thức về BPTT và 75% cho rằng sử dụng BPTT là sự lựa chọn tốt nhất cho VTN/TN. Tuy nhiên, vẫn còn những rào cản nhất định: 42,4% học sinh cho rằng rất khó sử dụng BPTT trong lần quan hệ đầu tiên và 72,8% lo ngại về tác dụng phụ của các BPTT hiện nay. Như vậy, gia đình cần phối hợp với nhà trường và địa phương tăng cường thêm các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về các BPTT cho VTN/TN để nâng cao, phát triển sức khỏe một cách toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Coming of age: adolescent health n.d, <https://www.who.int/news-room/spotlight/coming-of-age-adolescent-health> (accessed May 6, 2024).
- [2] Thanh niên. UNFPA Vietnam 2016, <https://vietnam.unfpa.org/vi/topics/thanh-ni%C3%AAn> (accessed May 6, 2024).
- [3] Quỹ Dân số Liên Hợp quốc (UNFPA). Nghiên cứu về sức khỏe sinh sản tại Việt Nam, Báo cáo rà soát các nghiên cứu giai đoạn 2000-2005, 2007.
- [4] Nguyễn Thanh Phong. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường đại học, cao đẳng ở thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp. Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội, 2017.
- [5] Nguyễn Thị Tân, Đàm Thị Thùy. Kiến thức, thái độ về các biện pháp tránh thai của sinh viên xét nghiệm khóa 13 Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 539 (1), tr. 121-126.
- [6] Nguyễn Ngọc Minh, Đỗ Đức Văn. Kiến thức, thái độ, thực hành về tránh thai ở học sinh trung học. Tạp chí Phụ sản, 2018, 15 (4), tr. 63-68.
- [7] Nguyễn Thúy Hà, Đàm Khải Hoàn, Đặng Thị Minh Nguyệt. Kiến thức, thái độ và thực hành về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở học sinh trung học phổ thông, thành phố Thái Nguyên, 2023, 531 (2), tr. 411-415.
- [8] Nguyễn Tuấn Kiên, Hoàng Thị Thu Phương, Nguyễn Thị Phương Lan, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Trương Viết Trường, Vũ Thị Thu Hằng. Thực trạng kiến thức, thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh tại Trường Trung học phổ thông Phú Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023, 528 (1), tr. 177-181.